

Số: 39/2023/QĐST-HNGĐ

Đức Trọng, ngày 28 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1980. Trú tại: Số N, Tổ A, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông **Tôn Thất S**, sinh năm 1973. Trú tại: Số P, Tổ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 71; 81; 82; 83, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Tôn Thất S

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Tôn Thất Duy Đ, sinh ngày 27/01/2006 và Tôn Nữ Quỳnh M, sinh ngày 28/9/2007 cho đến ngày các con chung thành niên.

Ông Tôn Thất S cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Tôn Thất Duy Đ, sinh ngày 27/01/2006 và Tôn Nữ Quỳnh M, sinh ngày 28/9/2007 với mức 2.500.000đ/tháng/cháu (tổng cộng 5.000.000đ/tháng/2 cháu), thời gian cấp dưỡng từ tháng 03 năm 2023 cho đến ngày các con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Hai bên thỏa thuận, bà Lê Thị T nhận chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã tạm nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008551 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Bà Lê Thị T đã nộp đủ án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- THA DS huyện Đức Trọng;
- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- UBND thị trấn L, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: HS, AV.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Hạnh